

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2017/DS-ST
Ngày 04 tháng 4 năm 2017
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phùng Quốc Quân
2. Ông Nguyễn Đức Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2016/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2016 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2017/QĐXX-ST ngày 01 tháng 3 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Mai Thị T, sinh năm 1951. Địa chỉ: Tiểu khu A, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Bích L – Văn phòng Luật sư Niềm tin công lý thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sơn La. Địa chỉ: Tiểu khu C, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1980. Địa chỉ: Tiểu khu B, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Anh T có mặt; chị N vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 15/11/2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Mai Thị T trình bày như sau:

Năm 2012, anh Hoàng Văn T, trú tại Tiểu khu B, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La mua của bà Mai Thị T số ngô hạt là 123,51 tấn ngô, giá 6.200 đồng/kg, thể hiện tại các phiếu cân hàng số 01 ngày 21/3/2012, số 05 ngày 23/3/2012 và số 11 ngày 28/3/2012. Hai bên không làm hợp đồng bằng văn bản, chỉ thỏa thuận bằng miệng do nhiều lần đã mua bán. Ngày 01/11/2013, anh T viết giấy nhận nợ chốt đến ngày 28/3/2012, anh T còn nợ bà T số tiền mua ngô là 137.000.000VNĐ (sau khi đã trừ đi tiền phân đạm), cam kết trả 50.000.000VNĐ đến ngày 30/12/2013, số tiền còn lại sẽ thanh toán dần vào năm sau. Bà R (mẹ anh T) và chị N (vợ anh T) ký vào giấy nhận nợ và cam kết bảo lãnh cho anh T trả nợ cho bà T. Sau nhiều lần đi đòi, anh T và chị N chỉ thanh toán cho bà T số tiền là 20.000.000VNĐ. Ngày 12/4/2015, anh T viết giấy nhận nợ số tiền còn lại là 117.000.000VNĐ, viết giấy hứa đến ngày 20/5/2015 sẽ thanh toán 17.000.000VNĐ, số tiền còn lại sẽ thanh toán dần.

Tuy nhiên, anh T không thực hiện việc trả nợ như đã hứa hẹn, tính đến thời điểm hiện tại, anh T và chị N vẫn chưa thanh toán cho bà T số tiền còn nợ. Trong thời gian đó, bà T phải vay ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh M số tiền là 130.000.000VNĐ để trang trải công nợ do anh T không thanh toán tiền nợ.

Do đó, bà Mai Thị T khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc anh Hoàng Văn T và chị Nguyễn Thị Thanh N thanh toán số tiền là 155.025.000VNĐ. Trong đó, tiền nợ gốc mua ngô từ năm 2012 là 117.000.000VNĐ; tiền lãi từ ngày 12/4/2015 đến nay là 23.300.000VNĐ và tiền bồi thường thiệt hại do chậm thanh toán nên phải vay tiền ngân hàng là 14.750.000VNĐ.

Trong quá trình hòa giải, bà Mai Thị T rút yêu cầu thanh toán bồi thường thiệt hại do chậm thanh toán phải nợ tiền ngân hàng là 14.750.000VNĐ; và tại phiên tòa sơ thẩm, bà T đề nghị tính lãi xuất từ ngày 20/5/2015 (thời điểm anh T vi phạm cam kết trả tiền) là 19.305.000VNĐ, yêu cầu anh T và chị N có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền là 136.305.000VNĐ.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đồng bị đơn anh Hoàng Văn T và chị Nguyễn Thị Thanh N trình bày:

Anh Hoàng Văn T xác nhận có việc mua bán ngô như trình bày của bà Mai Thị T và còn nợ lại số tiền là 137.000.000VNĐ sau khi đã trừ đi tiền đầu tư phân đạm. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên anh T mới thanh toán cho bà T được 20.000.000VNĐ, số tiền còn lại là 117.000.000VNĐ anh có viết giấy khất nợ như bà T trình bày. Anh T cho rằng chưa có khả năng thanh toán một lần số tiền nợ trên nên đề nghị được thanh toán thành 03 lần đối với số tiền gốc. Đối với yêu cầu tính lãi và bồi thường thiệt hại, anh T không chấp nhận vì cho rằng không có thỏa thuận

trong các giấy chót nợ. Anh T cho rằng công việc làm ăn chị N có biết nhưng anh là người trực tiếp đứng ra mua bán với bà T, vì vậy anh sẽ là người có trách nhiệm thanh toán tiền nợ với bà T.

Chị Nguyễn Thị Thanh N cho rằng mình là vợ hợp pháp của anh T. Việc anh T nợ bà T chị có được biết và có ký giấy bảo lãnh với mục đích để bà T tạo điều kiện cho anh T trả dần số nợ. Đối với yêu cầu tính lãi và bồi thường thiệt hại, chị N không đồng ý.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của người làm chứng: chị Lê Thị Phương T, sinh năm 1983 là con gái bà Mai Thị T xác nhận có nhận 20.000.000VNĐ từ chị N thay cho mẹ để là bà Mai Thị T.

Trong quá trình hòa giải tại Tòa án, nguyên đơn, bị đơn đã thống nhất được số tiền nợ mua ngô từ năm 2012 là 117.000.000VNĐ; không thống nhất được thời gian trả tiền gốc và bị đơn không nhất trí thanh toán tiền lãi. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và qua tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định theo hướng: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, về phần lãi xuất, đề nghị giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Mai Thị T khởi kiện ra Tòa án yêu cầu anh Hoàng Văn T và chị Nguyễn Thị Thanh N phải thanh toán số tiền nợ gốc mua ngô từ năm 2012 là 117.000.000VN; tiền lãi từ ngày 12/4/2015 đến nay là 23.300.000VNĐ. Bị đơn anh Hoàng Văn T có văn bản cam kết nhận nợ ngày 12/4/2015. Do đó, xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án thụ lý vụ án về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản là có căn

cứ. Bà Mai Thị T đề nghị đưa chị Nguyễn Thị Thanh N tham gia tố tụng với tư cách là đồng bị đơn là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, chị N là vợ hợp pháp của anh T, biết việc làm ăn và có ký cam kết bảo lãnh nghĩa vụ thanh toán nợ cho anh T đối với bà T, chị N đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán 20.000.000VNĐ tiền nợ cho bà T; đồng thời anh T mua ngô của bà T nhằm mục đích sinh lời, trang trải cho cuộc sống gia đình. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Nguyễn Thị Thanh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 277 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vắng mặt đồng bị đơn.

[2] Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận có việc mua bán ngô năm 2012 và chốt đến ngày 28/3/2012, anh T còn nợ bà T số tiền mua ngô là 137.000.000VNĐ (sau khi đã trừ đi tiền phân đạm) thể hiện tại giấy nhận nợ ngày 01/11/2013. Sau khi thanh toán được 20.000.000VNĐ do chị N trả cho bà T (chị T – con gái bà T là người nhận tiền), anh T có viết giấy nhận nợ ngày 12/4/2015 xác nhận số tiền còn lại là 117.000.000VNĐ. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bà T và anh T đã thống nhất được số tiền gốc còn nợ lại là 117.000.000VNĐ. Anh T hứa sẽ thanh toán dần trong thời gian 03 năm do điều kiện hoàn cảnh khó khăn, không thể thu xếp tiền thanh toán một lần. Tuy nhiên bà T không đồng ý do anh T đã hứa hẹn nhiều lần nhưng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Như vậy, hợp đồng mua bán tài sản giữa bà T và anh T là có thật và hợp pháp cần được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, bên có nghĩa vụ giao tài sản là bà T đã giao đầy đủ số ngô cho anh T theo đúng thỏa thuận. Tuy nhiên bên mua là anh T đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Theo quy định tại khoản 1 Điều 438 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì *bên mua phải có nghĩa vụ trả đủ tiền vào thời điểm và địa điểm đã thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận thì phải trả đủ tiền vào thời điểm và địa điểm giao tài sản*. Do đó, bà T yêu cầu anh T, chị N thanh toán 117.000.000VNĐ tiền nợ mua ngô từ năm 2012 là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu tính lãi, anh T, chị N không chấp nhận vì cho rằng không có thỏa thuận tại các văn bản nhận nợ với bà T. Căn cứ vào Điều 305, khoản 2 Điều 438 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: *Bên mua phải trả lãi kể từ ngày chậm trả đối với số tiền chậm trả theo lãi xuất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán*. Do đó, yêu cầu tính lãi của bà T đối với số tiền gốc 117.000.000VNĐ là có căn cứ, cần chấp nhận.

[4] Về thời điểm tính lãi, trong đơn khởi kiện cũng như trong quá trình hòa giải bà T yêu cầu tính lãi từ ngày 12/4/2016 theo lãi xuất quá hạn của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam là chưa chính xác. Bà T xác nhận ngày 12/4/2015, anh T viết giấy nhận nợ số tiền còn lại là 117.000.000VNĐ, hứa

đến ngày 20/5/2015 sẽ thanh toán 17.000.000VNĐ, số tiền còn lại sẽ thanh toán dần. Do đã quá thời hạn (ngày 20/5/2015 anh T tự cam kết) nên bà T mới khởi kiện ra Tòa án, hiện nay anh T chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo cam kết này. Tại Phiên tòa, bà T có sửa đổi yêu cầu tính lãi từ ngày anh T chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết (từ ngày 20/5/2015) là thời điểm vi phạm nghĩa vụ đến ngày xét xử sơ thẩm là 01 năm 10 tháng 13 ngày là có cơ sở, căn cứ cần chấp nhận.

[5] Về lãi xuất: Căn cứ Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Quyết định số: 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quyết định tính lãi suất bằng đồng Việt Nam: Mức lãi suất cơ bản là 9%/năm tương đương 0,75%/tháng và 0.025%/ngày. Do đó, anh T và chị N có trách nhiệm thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 20/5/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm đối với số tiền 117.000.000VNĐ theo mức lãi xuất cơ bản, cụ thể là:

$(117.000.000\text{VNĐ} \times 01 \times 9\%) + (117.000.000\text{VNĐ} \times 10 \times 0,75\%) + (117.000.000\text{VNĐ} \times 13 \times 0,025\%) = 19.685.000\text{VNĐ}$ (Mười chín triệu sáu trăm tám mươi năm nghìn đồng).

[6] Đối với yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại do chậm thanh toán, bà Mai Thị T đã rút trong quá trình hòa giải tại Tòa án. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét đối với yêu cầu này.

[7] Về án phí: Anh Hoàng Văn T và chị Nguyễn Thị Thanh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là $136.685.000\text{VNĐ} \times 5\% = 6.834.250\text{VNĐ}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 305, 428, 431, 432, 438, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 147, Điều 267 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị T, buộc anh Hoàng Văn T và chị Nguyễn Thị Thanh N phải thanh toán cho bà T số nợ gốc tiền mua ngô từ năm 2012 là 117.000.000VNĐ, tiền lãi phát sinh từ tiền gốc theo lãi xuất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả là 19.685.000VNĐ. Tổng cộng là 136.685.000VNĐ (Mười chín triệu sáu trăm tám mươi năm nghìn đồng).

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị Ngà và anh T không tự nguyện trả số tiền trên thì hàng tháng chị N và anh T còn phải chịu một

khoản tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Về án phí:

Anh Hoàng Văn T và chị Nguyễn Thị Thanh N phải chịu án phí sơ thẩm đối với các vụ án dân sự có giá ngạch tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận là 6.834.000VNĐ (*Sáu triệu tám trăm ba mươi tư nghìn đồng*).

Bà Mai Thị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.875.000VNĐ (*Ba triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/03509 ngày 05/12/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sơn La.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nông Văn Thịnh